

# **Công ty Cổ phần Bibica**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



# Công ty Cổ phần Bibica

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 38

# Công ty Cổ phần Bibica

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bibica ("Công ty") hiện là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103010755 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 5 tháng 7 năm 2008 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Giấy phép Phát hành số 10/GPPH do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày 16 tháng 11 năm 2001. Vào ngày 24 tháng 3 năm 2021, cổ phiếu của Công ty được tạm thời giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng Khoán Hà Nội theo Công văn số 713/UBCK-PTTT ngày 3 tháng 3 năm 2021 của UBCKNN và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 70/BBC-2021 ngày 11 tháng 3 năm 2021. Vào ngày 7 tháng 9 năm 2021, cổ phiếu của Công ty đã niêm yết trở lại tại HOSE theo Công văn số 4236/UBCK-PTTT ngày 2 tháng 8 năm 2021 của UBCKNN.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, mua bán các sản phẩm đường, bánh kẹo, nha, rượu (thức uống có cồn), bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm từ sữa, sữa đậu nành, nước giải khát, bột giải khát (không sản xuất tại trụ sở Công ty) và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 443, Đường Lý Thường Kiệt, Phường 8, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và hai chi nhánh gồm Nhà máy Bibica Biên Hòa – Chi nhánh Công ty Cổ phần Bibica tại Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và Nhà máy Bibica Hà Nội – Chi nhánh Công ty Cổ phần Bibica tại Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Phú Chiến	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021
Ông Vũ Cường	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021
Ông Võ Ngọc Thành	Thành viên	từ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên	từ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021
Ông Jung Woo Lee	Thành viên	từ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2021
Ông Kim Jun Yeon	Thành viên	từ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2021

### BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ban Kiểm toán nội bộ vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Cường	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 30 tháng 7 năm 2021
Bà Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30 tháng 7 năm 2021

Căn cứ vào Nghị quyết số 730-02-01/2021/NQ-BBC ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã tiến hành bổ nhiệm Trưởng ban và thành viên của Ban Kiểm toán nội bộ - Trực thuộc Hội đồng Quản trị theo Điều lệ tổ chức và hoạt động mới của Công ty.

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quốc Hoàng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Kha	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trương Phú Chiến.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Bibica

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bibica ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Trương Phú Chiến  
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2022

Số tham chiếu: 60820469/22632018-HN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Bibica**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Bibica (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Nhóm Công ty”), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 38, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1772-2018-004-1



Đặng Nguyễn Hương  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 5041-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>578.230.851.763</b>	<b>717.590.458.112</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>202.816.924.776</b>	<b>112.811.737.101</b>
111	1. Tiền		42.107.077.972	93.811.737.101
112	2. Các khoản tương đương tiền		160.709.846.804	19.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>5.383.495.065</b>	<b>97.438.671.054</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh	6.1	4.618.744.826	4.618.744.826
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	6.1	(735.249.761)	(1.374.668.772)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.2	1.500.000.000	94.194.595.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>7</b>	<b>208.097.331.170</b>	<b>348.649.851.196</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		193.286.366.488	213.384.888.048
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		4.476.532.939	114.554.828.399
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		19.820.091.930	29.159.073.944
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(9.485.660.187)	(8.448.939.195)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>85.603.515.584</b>	<b>126.216.676.633</b>
141	1. Hàng tồn kho		93.337.455.984	130.864.135.243
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(7.733.940.400)	(4.647.458.610)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>76.329.585.168</b>	<b>32.473.522.128</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	3.086.601.882	4.653.972.055
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	16	67.097.777.891	25.445.102.394
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	16	6.145.205.395	2.374.447.679
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.061.307.284.723</b>	<b>825.511.717.941</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>28.000.000</b>	
216	1. Phải thu dài hạn khác		28.000.000	
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>607.031.824.348</b>	<b>474.719.197.057</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	604.261.893.337	471.669.719.726
222	Nguyên giá		1.262.515.170.634	1.044.515.642.993
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(658.253.277.297)	(572.845.923.267)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	2.769.931.011	3.049.477.331
228	Nguyên giá		13.111.842.373	11.349.805.943
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.341.911.362)	(8.300.328.612)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>12</b>	<b>22.513.933.940</b>	
231	1. Nguyên giá		25.794.861.482	
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(3.280.927.542)	
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>201.918.552.924</b>	<b>2.450.489.091</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	201.918.552.924	2.450.489.091
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>			<b>200.000.000.000</b>
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.2		200.000.000.000
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>229.814.973.511</b>	<b>148.342.031.793</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	227.214.845.669	143.676.611.984
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.3	2.600.127.842	4.665.419.809
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.639.538.136.486</b>	<b>1.543.102.176.053</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>658.073.870.149</b>	<b>447.380.119.508</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>520.240.164.491</b>	<b>430.844.581.582</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	143.495.210.170	115.909.436.694
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	162.477.096.423	21.282.070.778
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	26.644.852.522	9.404.737.907
314	4. Phải trả người lao động	17	10.168.709.913	6.462.269.284
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	83.007.581.605	82.324.754.376
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	66.378.427.718	5.664.976.689
320	7. Vay ngắn hạn	18	15.900.000.000	182.458.869.605
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		12.168.286.140	7.337.466.249
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>137.833.705.658</b>	<b>16.535.537.926</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	103.311.077.272	3.489.077.272
338	2. Vay dài hạn	18	22.400.000.000	-
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	20	12.122.628.386	13.046.460.654
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>981.464.266.337</b>	<b>1.095.722.056.545</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21.1</b>	<b>981.464.266.337</b>	<b>1.095.722.056.545</b>
411	1. Vốn cổ phần		154.207.820.000	154.207.820.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		154.207.820.000	154.207.820.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		302.576.583.351	302.726.583.351
414	3. Phụ trội hợp nhất		(76.162.437.739)	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		579.101.429.954	542.830.667.221
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		21.740.870.771	95.956.985.973
421a	- Lợi nhuận sau thuế phân phối thừa đến cuối năm trước		(659.411.851)	(659.411.851)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		22.400.282.622	96.616.397.824
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.639.538.136.486</b>	<b>1.543.102.176.053</b>



Đinh Thị Thu Vân  
Người lập



Đinh Thị Thu Vân  
Quyền Kế toán trưởng





Trương Phú Chiến  
Chủ tịch

Ngày 31 tháng 3 năm 2022




BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	1.102.529.287.749	1.228.762.996.367
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(11.354.847.615)	(10.206.668.241)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	1.091.174.440.134	1.218.556.328.126
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(770.006.470.567)	(889.301.451.589)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		321.167.969.567	329.254.876.537
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	13.011.769.079	24.488.490.348
22 23	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	24	(3.519.791.760) (3.300.924.469)	(7.260.732.106) (5.293.827.950)
25	8. Chi phí bán hàng	25	(237.232.633.555)	(237.326.460.993)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(69.514.930.066)	(80.789.467.262)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		23.912.383.265	28.366.706.524
31	11. Thu nhập khác	27	10.333.029.013	97.421.443.406
32	12. Chi phí khác	27	(4.352.824.162)	(2.938.754.298)
40	13. Lợi nhuận khác	27	5.980.204.851	94.482.689.108
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		29.892.588.116	122.849.395.632
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(5.427.013.527)	(27.067.868.419)
52	16. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	29.3	(2.065.291.967)	834.870.611
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		22.400.282.622	96.616.397.824
61	18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		22.400.282.622	96.616.397.824
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.4	1.380	5.952
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	21.4	1.380	5.952

  
Đinh Thị Thu Vân  
Người lập

  
Đinh Thị Thu Vân  
Quyền Kế toán trưởng



  
Trương Phú Chiến  
Chủ tịch

Ngày 31 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>29.892.588.116</b>	<b>122.849.395.632</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11	70.393.714.795	74.544.465.222
03	Các khoản dự phòng	12	2.559.951.503	2.597.227.603
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		181.968.246	182.213.115
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(11.616.334.237)	(101.349.486.275)
06	Chi phí lãi vay	24	3.300.924.469	5.293.827.950
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>94.712.812.892</b>	<b>104.117.643.247</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		89.287.288.055	(189.032.036.858)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		37.526.679.259	(11.844.215.874)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		376.228.395.795	(274.690.628.252)
12	Tăng chi phí trả trước		(81.970.863.512)	(4.540.923.118)
14	Tiền lãi vay đã trả		(3.300.924.469)	(5.293.827.950)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(5.664.806.010)	(38.478.899.639)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.783.800.000)	(4.581.701.501)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>505.034.782.010</b>	<b>(424.344.589.945)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(188.165.143.538)	(1.940.909.091)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		325.870.631	101.800.507.500
23	Tiền chi mua trái phiếu và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		(58.660.000.000)	(209.000.000.000)
24	Thu hồi khoản tiền gửi có kỳ hạn và bán trái phiếu		351.354.595.000	45.492.925.000
25	Tiền chi đầu tư vào đơn vị khác	4	(299.988.327.292)	-
27	Cổ tức và lãi tiền gửi nhận được		18.644.581.284	14.958.274.638
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(176.488.423.915)</b>	<b>(48.689.201.953)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		-	382.442.938.605
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	18	(182.458.869.605)	(199.984.069.000)
35	Cổ tức đã trả		(55.514.815.199)	-
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính</b>		<b>(237.973.684.804)</b>	<b>182.458.869.605</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		90.572.673.291	(290.574.922.293)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		112.811.737.101	403.522.192.255
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(567.485.616)	(135.532.861)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	202.816.924.776	112.811.737.101



Đinh Thị Thu Vân  
Người lập



Đinh Thị Thu Vân  
Quyền Kế toán trưởng



Trương Phú Chiến  
Chủ tịch

Ngày 31 tháng 3 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Bibica ("Công ty") hiện là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103010755 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 5 tháng 7 năm 2008 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Giấy phép Phát hành số 10/GPPH do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày 16 tháng 11 năm 2001. Vào ngày 24 tháng 3 năm 2021, cổ phiếu của Công ty được tạm thời giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Công văn số 713/UBCK-PTTT ngày 3 tháng 3 năm 2021 của UBCKNN và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 70/BBC-2021 ngày 11 tháng 3 năm 2021. Vào ngày 7 tháng 9 năm 2021, cổ phiếu của Công ty đã niêm yết trở lại tại HOSE theo Công văn số 4236/UBCK-PTTT ngày 2 tháng 8 năm 2021 của UBCKNN.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là sản xuất, mua bán các sản phẩm đường, bánh kẹo, nha, rượu (thức uống có cồn), bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm từ sữa, sữa đậu nành, nước giải khát, bột giải khát (không sản xuất tại trụ sở Công ty) và kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 443, Đường Lý Thường Kiệt, Phường 8, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và hai chi nhánh gồm Nhà máy Bibica Biên Hòa – Chi nhánh Công ty Cổ phần Bibica tại Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam ("Nhà máy Biên Hòa") và Nhà máy Bibica Hà Nội – Chi nhánh Công ty Cổ phần Bibica tại Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 1.297 (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 1.112).

**Cơ cấu tổ chức**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, cơ cấu tổ chức của Nhóm Công ty bao gồm 6 công ty con với chi tiết như sau:

Tên công ty con	Tình trạng hoạt động	Địa điểm	Tỷ lệ	
			biểu quyết và sở hữu	
			Số cuối năm (%)	Số đầu năm (%)
(1) Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm PAN ("PAN FM")	Đang hoạt động	Long An	100	-
(2) Công ty TNHH Một thành viên Bibica Miền Đông ("Bibica Miền Đông")	Đang hoạt động	Bình Dương	100	100
(3) Công ty TNHH Một thành viên Bibica Miền Tây ("Bibica Miền Tây")	Đang hoạt động	Long An	100	100
(4) Công ty TNHH Một thành viên Bibica Biên Hòa ("Bibica Biên Hòa")	Trước hoạt động	Đồng Nai	100	100
(5) Công ty TNHH Một thành viên Bibica Hà Nội ("Bibica Hà Nội")	Đang hoạt động	Hà Nội	100	100
(6) Công ty TNHH Bibica Miền Bắc ("Bibica Miền Bắc")	Ngừng hoạt động	Hưng Yên	100	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bibica ("công ty mẹ") và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền và hàng hóa

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Nhóm Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước năm 2003 theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được trích hao mòn nếu có thời gian sử dụng là lâu dài.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 20 năm
Máy móc và thiết bị	4 - 12 năm
Phương tiện vận tải	3 - 12 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 12 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	3 - 7 năm

**3.7 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Nhóm Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 – 25 năm
--------------------------	-------------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản đã được hoàn thành và đưa vào hoạt động.

#### 3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng và chi phí thuê đất dài hạn.

##### *Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng*

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng liên quan đến khu đất nơi nhà máy tọa lạc tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Khoản này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê là 40 năm, từ ngày 31 tháng 8 năm 2009 đến ngày 31 tháng 8 năm 2049.

##### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện số dư chưa phân bổ hết của số tiền mà Nhóm Công ty trả trước cho việc thuê đất tại các địa điểm:

- Khu đất nơi nhà máy của Bibica Hà Nội tọa lạc tại Khu Công nghiệp Sài Đồng B, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam trong thời hạn 25 năm từ ngày 9 tháng 1 năm 2002 đến ngày 9 tháng 1 năm 2027;
- Khu đất nơi nhà máy của Bibica Miền Tây tọa lạc tại Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc 2, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam trong thời hạn 43 năm từ ngày 1 tháng 8 năm 2018 đến ngày 25 tháng 3 năm 2061; và
- Khu đất nơi nhà máy của Bibica Miền Đông tọa lạc tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam trong thời hạn 32 năm từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 đến ngày 12 tháng 6 năm 2051.

Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

#### 3.10 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

#### 3.11 *Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung*

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung là một nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh mà trong đó tất cả các công ty được đồng kiểm soát bởi cùng một đối tượng hoặc nhóm các đối tượng trước và sau khi hợp nhất kinh doanh, và sự kiểm soát này là không nhất thời.

Lợi thế thương mại không được ghi nhận cho nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh các công ty cùng dưới sự kiểm soát chung. Một công ty có thể chịu sự kiểm soát bởi một cá nhân hoặc nhóm cá nhân theo một thỏa thuận hợp đồng. Chênh lệch giữa giá phí đầu tư của bên mua và giá trị tài sản thuần của bên bán được trình bày riêng biệt như một khoản phụ trội trong nguồn vốn chủ sở hữu khi hợp nhất (phụ trội hợp nhất trên bảng cân đối kế toán hợp nhất).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung (tiếp theo)**

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được Nhóm Công ty ghi nhận như sau:

- ▶ Tài sản và nợ phải trả của các đơn vị được hợp nhất theo giá trị ghi sổ tại ngày hợp nhất kinh doanh;
- ▶ Không có lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh;
- ▶ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị được hợp nhất từ thời điểm hợp nhất kinh doanh; và
- ▶ Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và giá trị tài sản thuần của bên bị hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục phụ trội hợp nhất kinh doanh trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**3.12 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào chứng khoán kinh doanh*

Đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty được hơn 12 tháng tính cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

**3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

##### *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

##### *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

#### 3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

##### *Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.18 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận báo cáo cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.19 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.20 Thông tin theo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất và mua bán các sản phẩm bánh kẹo. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty bán ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

**3.21 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. HỢP NHẤT KINH DOANH DƯỚI SỰ KIỂM SOÁT CHUNG**

***Mua Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm Pan***

Vào ngày 1 tháng 10 năm 2021, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc mua 100% cổ phần của Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm Pan ("Pan FM") (tên trước đây là "Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Pan"). Nhóm Công ty mua Pan FM nhằm mục đích tăng quy mô sản xuất tại khu vực Miền Tây, Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty ghi nhận nghiệp vụ mua Pan FM là một nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung do cả Nhóm Công ty và Pan FM đều được kiểm soát chung của một nhà đầu tư trước và sau nghiệp vụ mua này. Theo đó, Nhóm Công ty ghi nhận nghiệp vụ này theo như chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 3.11.

Pan FM hiện là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1101823562 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp ngày 15 tháng 6 năm 2016. Trụ sở đăng ký của Pan FM được đặt tại Lô A1/1-9, Đường VL3, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh được đăng ký của Pan FM là thực hiện sản xuất, chế biến, mua bán bánh kẹo, thức uống có cồn, sữa đậu nành, nước giải khát, các sản phẩm từ thịt, hải sản, các sản phẩm nông nghiệp khác và kinh doanh bất động sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. HỢP NHẤT KINH DOANH DƯỚI SỰ KIỂM SOÁT CHUNG (tiếp theo)**

**Mua Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm Pan (tiếp theo)**

Giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả của Pan FM tại ngày mua như sau:

VND

<b>Tài sản</b>	<b>336.959.771.545</b>
Tiền	11.672.708
Các khoản phải thu	8.166.721.577
Hàng tồn kho	12.190.146.687
Tài sản ngắn hạn khác	8.009.765.151
Tài sản cố định (Thuyết minh số 10 và 11)	203.284.561.534
Bất động sản đầu tư (Thuyết minh số 12)	22.929.031.050
Tài sản dài hạn khác	82.367.872.838
<b>Nợ phải trả</b>	<b>113.122.209.284</b>
Nợ và vay	74.944.395.000
Phải trả người bán	20.030.838.042
Phải trả khác	18.146.976.242
<b>Tổng giá trị của tài sản thuần</b>	<b>212.143.641.966</b>
Phụ trội hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 21)	76.162.437.739
<b>Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh</b>	<b>300.000.000.000</b>
<b>Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con</b>	
Tiền thu về từ công ty con	11.672.708
Tiền chi để mua công ty con	300.000.000.000
<b>Tổng tiền thuần đã thanh toán cho nghiệp vụ mua</b>	<b>(299.988.327.292)</b>

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	67.579.459	35.495.246
Tiền gửi ngân hàng	42.039.498.513	93.776.241.855
Các khoản tương đương tiền	160.709.846.804	19.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>202.816.924.776</b>	<b>112.811.737.101</b>

Số cuối năm thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất tiền gửi dao động từ 3,4% tới 5%/năm.

## Công ty Cổ phần Bibica

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

#### 6.1 Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm				Số đầu năm				VND
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Đô Thành	90.771	2.305.557.332	(735.219.032)	1.570.338.300	90.771	2.305.557.332	(1.170.919.832)	1.134.637.500	
Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	44.424	975.259.755	-	975.259.755	44.424	975.259.755	-	975.259.755	
Công ty Cổ phần Hóa An	15.750	684.881.000	-	684.881.000	15.750	684.881.000	-	684.881.000	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco	41.380	487.959.001	-	487.959.001	41.380	487.959.001	(203.678.401)	284.280.600	
Các khoản đầu tư khác	14.129	165.087.738	(30.729)	165.057.009	11.485	165.087.738	(70.539)	165.017.199	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>206.454</b>	<b>4.618.744.826</b>	<b>(735.249.761)</b>	<b>3.883.495.065</b>	<b>203.810</b>	<b>4.618.744.826</b>	<b>(1.374.668.772)</b>	<b>3.244.076.054</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**6.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	1.500.000.000	1.500.000.000	94.194.595.000	94.194.595.000
<b>Dài hạn</b>				
Trái phiếu	-	-	200.000.000.000	200.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>294.194.595.000</b>	<b>294.194.595.000</b>

(\*) Số cuối năm là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và dưới mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất tiền gửi 4,8%/năm.

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>193.286.366.488</b>	<b>213.384.888.048</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	147.064.185.816	157.221.395.577
<i>Các bên khác</i>	46.222.180.672	56.163.492.471
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>4.476.532.939</b>	<b>114.554.828.399</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty TNHH Cơ khí và Dịch vụ Kỹ thuật Liên Minh</i>	1.928.025.000	-
<i>Công ty TNHH Ishida Việt Nam</i>	1.012.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Huro Probiotics</i>	-	103.000.000.000
<i>Các bên khác</i>	1.536.507.939	11.554.828.399
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>19.820.091.930</b>	<b>29.159.073.944</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Thu nhập lãi tiền gửi</i>	5.569.550.443	11.539.351.563
<i>Ký quỹ</i>	5.095.420.000	5.095.420.000
<i>Thuế GTGT tạm nộp</i>	936.911.745	6.006.597.327
<i>Phải thu khác</i>	8.218.209.742	6.517.705.054
<b>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b>(9.485.660.187)</b>	<b>(8.448.939.195)</b>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>208.097.331.170</b>	<b>348.649.851.196</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)**

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	8.448.939.195	5.438.050.934
Dự phòng trích lập trong năm	1.036.720.992	3.010.888.261
Số cuối năm	<u>9.485.660.187</u>	<u>8.448.939.195</u>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	48.873.769.043	(3.468.394.899)	54.870.326.131	(3.268.961.339)
Thành phẩm, hàng hóa	27.390.530.391	(4.108.509.000)	63.567.168.621	(708.769.129)
Công cụ, dụng cụ	10.231.263.364	(157.036.501)	8.793.997.801	(669.728.142)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.841.893.186	-	3.632.642.690	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>93.337.455.984</b></u>	<u><b>(7.733.940.400)</b></u>	<u><b>130.864.135.243</b></u>	<u><b>(4.647.458.610)</b></u>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.647.458.610	2.942.100.111
Dự phòng trích lập trong năm	4.692.609.407	1.888.779.182
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.606.127.617)	(183.420.683)
Số cuối năm	<u>7.733.940.400</u>	<u>4.647.458.610</u>

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.086.601.882</b>	<b>4.653.972.055</b>
Công cụ và dụng cụ	2.416.186.172	3.393.797.256
Chi phí khác	670.415.710	1.260.174.799
<b>Dài hạn</b>	<b>227.214.845.669</b>	<b>143.676.611.984</b>
Trả trước tiền thuê đất	214.889.933.470	123.102.650.433
Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng	6.163.539.243	12.721.718.324
Công cụ và dụng cụ	3.286.884.523	5.830.411.303
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	1.863.328.503	1.458.470.676
Khác	1.011.159.930	563.361.248
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>230.301.447.551</b></u>	<u><b>148.330.584.039</b></u>



## Công ty Cổ phần Bibica

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản có định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	245.662.994.199	765.565.681.756	16.473.407.405	14.791.871.432	2.021.688.201	1.044.515.642.993
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	341.000.000	-	-	-	341.000.000
Mua mới	-	-	50.000.000	-	-	50.000.000
Tăng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 4)	129.153.771.545	119.781.640.414 (40.010.742.142)	1.018.561.220 (765.817.931)	4.983.151.046 (56.136.250)	3.504.099.739	258.441.223.964 (40.832.696.323)
Thanh lý	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	374.816.765.744	845.677.580.028	16.776.150.694	19.718.886.228	5.525.787.940	1.262.515.170.634
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết	18.857.061.183	250.688.452.280	8.402.854.082	10.680.603.989	183.695.159	288.812.666.693
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>						
Số đầu năm	97.520.679.442	451.978.190.289	11.244.460.491	11.627.770.784	474.822.261	572.845.923.267
Khấu hao trong năm	14.136.483.666	52.703.990.602	910.800.280	789.322.536	306.823.345	68.847.420.429
Tăng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 4)	21.065.565.652	31.377.318.144 (38.643.205.306)	401.350.579 (765.817.931)	2.319.539.656 (39.356.528)	844.539.335	56.008.313.366 (39.448.379.765)
Thanh lý	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	132.722.728.760	497.416.293.729	11.790.793.419	14.697.276.448	1.626.184.941	658.253.277.297
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	148.142.314.757	313.587.491.467	5.228.946.914	3.164.100.648	1.546.865.940	471.669.719.726
Số cuối năm	242.094.036.984	348.261.286.299	4.985.357.275	5.021.609.780	3.899.602.999	604.261.893.337

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	256.080.000	11.093.725.943	11.349.805.943
Tăng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 4)	-	1.762.036.430	1.762.036.430
Số cuối năm	256.080.000	12.855.762.373	13.111.842.373
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số đầu năm	-	8.300.328.612	8.300.328.612
Hao mòn trong năm	-	1.131.197.256	1.131.197.256
Tăng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 4)	-	910.385.494	910.385.494
Số cuối năm	-	10.341.911.362	10.341.911.362
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	256.080.000	2.793.397.331	3.049.477.331
Số cuối năm	256.080.000	2.513.851.011	2.769.931.011

**12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	VND
	<i>Nhà xưởng, vật kiến trúc</i>
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 4)	25.794.861.482
Số cuối năm	25.794.861.482
<i>Trong đó:</i>	
<i>Đã hao mòn hết</i>	-
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>	
Số đầu năm	-
Khấu hao trong năm	415.097.110
Tăng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 4)	2.865.830.432
Số cuối năm	3.280.927.542
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	22.513.933.940

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án kẹo dẻo tại Nhà máy Biên Hòa	98.699.410.495	-
Dự án xây dựng nhà xưởng tại Bibica Biên Hòa – KCN Giang Điền	53.601.863.605	-
Dự án nâng cấp chuyền bánh Swissroll và Cookies tại Nhà máy Biên Hòa	47.692.278.824	-
Các dự án khác	<u>1.925.000.000</u>	<u>2.450.489.091</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>201.918.552.924</u></b>	<b><u>2.450.489.091</u></b>

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho các bên khác	129.852.042.469	83.936.612.217
<i>Công ty TNHH Bao bì Nhựa Thành Phú</i>	<i>13.516.714.500</i>	<i>5.557.359.044</i>
<i>Tanis Confectionery B.V</i>	<i>7.882.326.897</i>	-
<i>Công ty Cổ phần Thành Thành Công -     Biên Hòa</i>	<i>7.163.100.000</i>	<i>8.236.898.250</i>
<i>Công ty TNHH Wilmar Marketing CLV</i>	-	<i>6.123.362.300</i>
<i>Các công ty khác</i>	<i>101.289.901.072</i>	<i>64.018.992.623</i>
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	<u>13.643.167.701</u>	<u>31.972.824.477</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>143.495.210.170</u></b>	<b><u>115.909.436.694</u></b>

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác trả tiền trước ngắn hạn	162.477.096.423	7.672.415.845
<i>Công ty TNHH Lotte Việt Nam</i>	<i>159.044.000.000</i>	-
<i>Bên khác</i>	<i>3.433.096.423</i>	<i>7.672.415.845</i>
Các bên liên quan trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 30)	-	<u>13.609.654.933</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>162.477.096.423</u></b>	<b><u>21.282.070.778</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. THUẾ**

	VND			
	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	(19.748.855.302)	54.421.716.736	(83.808.504.157)	(49.135.642.723)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.892.193.864	6.504.845.112	(5.664.806.010)	2.732.232.966
Thuế thu nhập cá nhân	(558.150.728)	3.385.921.780	(3.022.492.059)	(194.721.007)
Khác	-	6.000.000	(6.000.000)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>(18.414.812.166)</b>	<b>64.318.483.628</b>	<b>(92.501.802.226)</b>	<b>(46.598.130.764)</b>
Trong đó:				
Thuế GTGT được khấu trừ	(25.445.102.394)			(67.097.777.891)
Thuế nộp thừa	(2.374.447.679)			(6.145.205.395)
Thuế phải nộp	9.404.737.907			26.644.852.522

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	54.293.059.283	51.348.682.124
Chi phí vận chuyển	12.253.138.679	8.428.058.026
Lương và thưởng nhân viên	10.569.400.605	15.879.665.149
Chi phí hoa hồng	2.816.110.349	4.932.712.274
Khác	3.075.872.689	1.735.636.803
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>83.007.581.605</b>	<b>82.324.754.376</b>

## Công ty Cổ phần Bibica

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 18. VAY

	Số đầu năm	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn từ ngân hàng	182.458.869.605	-	-	(182.458.869.605)	-
Vay ngắn hạn từ bên liên quan (Thuyết minh số 18.1 và 30)	-	15.900.000.000	-	-	15.900.000.000
Vay dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 18.2)	-	22.400.000.000	-	-	22.400.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>182.458.869.605</b>	<b>38.300.000.000</b>	<b>-</b>	<b>(182.458.869.605)</b>	<b>38.300.000.000</b>

VND

#### 18.1 Vay ngắn hạn từ bên liên quan

Nhóm Công ty có khoản vay tín chấp ngắn hạn từ bên liên quan nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Số cuối năm được trình bày như sau:

Bên liên quan	Số cuối năm	Ngày đến hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng Pan	15.900.000.000	Từ ngày 7 tháng 9 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022	4,7 - 5,0	Tín chấp

VND

#### 18.2 Vay dài hạn từ ngân hàng

Nhóm Công ty có khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm mục đích tài trợ cho nhà máy sản xuất thực phẩm PAN. Số cuối năm được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Ngày đến hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ	22.400.000.000	Ngày 18 tháng 3 năm 2024	7	Máy móc thiết bị hình thành trong tương lai thuộc dự án "Nhà máy sản xuất thực phẩm PAN - giai đoạn 1" và bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN - Công ty mẹ

VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>66.378.427.718</b>	<b>5.664.976.689</b>
Phải trả bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 30</i> )	59.903.051.675	-
Khác	6.475.376.043	5.664.976.689
<b>Dài hạn</b>	<b>103.311.077.272</b>	<b>3.489.077.272</b>
Phải trả bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 30</i> )	100.000.000.000	-
Khác	3.311.077.272	3.489.077.272
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>169.689.504.990</u></b>	<b><u>9.154.053.961</u></b>

**20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản trợ cấp thôi việc phải trả cho nhân viên.

## Công ty Cổ phần Bibica

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần (Thuyết minh số 4)	Quỹ đầu tư Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và phát triển	Quỹ đầu tư Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
					VND
<b>Năm trước</b>					
Số đầu năm	154.207.820.000	302.726.583.351	452.168.025.639	94.774.947.709	1.003.877.376.699
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	96.616.397.824	96.616.397.824
Phân phối quỹ	-	-	90.662.641.582	(90.662.641.582)	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(4.771.717.978)	(4.771.717.978)
Số cuối năm	154.207.820.000	302.726.583.351	542.830.667.221	95.956.985.973	1.095.722.056.545
<b>Năm nay</b>					
Số đầu năm	154.207.820.000	302.726.583.351	542.830.667.221	95.956.985.973	1.095.722.056.545
Hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	(76.162.437.739)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	22.400.282.622	22.400.282.622
Cổ tức công bố (*)	-	-	-	(55.514.815.199)	(55.514.815.199)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(4.830.819.892)	(4.830.819.892)
Phân phối quỹ (*)	-	-	36.270.762.733	(36.270.762.733)	-
Khác	-	(150.000.000)	-	-	(150.000.000)
Số cuối năm	154.207.820.000	302.576.583.351	579.101.429.954	21.740.870.771	981.464.266.337

(\*) Việc phân phối các quỹ này được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên Năm 2021 số 01/NQ-DHĐCĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**21.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	Năm nay	VND Năm trước
<b>Vốn đầu tư đã góp của các chủ sở hữu</b>		
Số đầu năm và số cuối năm	<u>154.207.820.000</u>	<u>154.207.820.000</u>
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức đã công bố và đã chi trả	55.514.815.199	-

**21.3 Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số cổ phiếu Số đầu năm
Cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	15.420.782	15.420.782
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	15.420.782	15.420.782
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	15.420.782	15.420.782

**21.4. Lãi trên cổ phiếu**

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	VND Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (VND)	22.400.282.622	96.616.397.824
Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	<u>(1.120.014.131)</u>	<u>(4.830.819.892)</u>
<b>Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>21.280.268.491</b>	<b>91.785.577.932</b>
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	<u>15.420.782</u>	<u>15.420.782</u>
<b>Lãi trên cổ phiếu (VND):</b>		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.380	5.952
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.380	5.952

(\*) Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm trước đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm nay được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến được trích lập với tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Không có giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm tàng nào phát sinh kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm cho đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. DOANH THU**

**22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>1.102.092.949.749</b>	<b>1.228.762.996.367</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng</b>	<b>(11.354.847.615)</b>	<b>(10.206.668.241)</b>
Trong đó:		
Hàng bán bị trả lại	(11.354.847.615)	(9.938.620.138)
Chiết khấu thương mại	-	(268.048.103)
<b>Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>	<b>436.338.000</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>1.091.174.440.134</u></b>	<b><u>1.218.556.328.126</u></b>
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 30)	1.044.441.543.789	885.808.674.669
Doanh thu đối với bên khác	46.732.896.345	332.747.653.457

**22.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	12.498.150.124	22.274.712.002
Lãi chênh lệch tỷ giá	328.783.098	1.956.279.005
Khác	184.835.857	257.499.341
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>13.011.769.079</u></b>	<b><u>24.488.490.348</u></b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	766.919.988.777	887.596.093.090
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.086.481.790	1.705.358.499
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>770.006.470.567</u></b>	<b><u>889.301.451.589</u></b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	3.300.924.469	5.293.827.950
Lỗ chênh lệch tỷ giá	858.286.302	2.402.264.631
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(639.419.011)	(604.874.322)
Khác	-	169.513.847
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.519.791.760</u></b>	<b><u>7.260.732.106</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoa hồng và hỗ trợ nhà phân phối	123.391.646.653	109.067.153.097
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi	72.914.616.703	76.888.564.795
Chi phí vận chuyển	30.135.534.720	35.562.527.381
Chi phí nhân viên	6.399.552.496	13.758.713.436
Khác	4.391.282.983	2.049.502.284
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>237.232.633.555</u></b>	<b><u>237.326.460.993</u></b>

**26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.811.165.929	19.386.396.155
Chi phí nhân viên	19.887.673.853	40.165.672.220
Chi phí khấu hao và hao mòn	5.431.621.504	5.607.212.886
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.627.254.693	3.275.000.873
Khác	9.757.214.087	12.355.185.128
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>69.514.930.066</u></b>	<b><u>80.789.467.262</u></b>

**27. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>10.333.029.013</b>	<b>97.421.443.406</b>
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	5.711.561.644	-
Hỗ trợ từ nhà cung cấp	1.086.489.676	14.612.542.233
Thu nhập từ cho thuê văn phòng	685.835.338	977.658.825
Thu nhập từ bán tài sản cố định	16.779.722	78.902.402.973
Khác	2.832.362.633	2.928.839.375
<b>Chi phí khác</b>	<b>4.352.824.162</b>	<b>2.938.754.298</b>
Xóa sổ hàng tồn kho và công cụ, dụng cụ	1.871.037.644	1.235.395.810
Khác	2.481.786.518	1.703.358.488
<b>LỢI NHUẬN KHÁC</b>	<b><u>5.980.204.851</u></b>	<b><u>94.482.689.108</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Nguyên liệu, vật liệu và hàng hóa	620.788.377.771	722.594.963.409
Chi phí dịch vụ mua ngoài	260.729.039.206	261.584.529.040
Chi phí nhân công	105.733.663.394	162.940.537.685
Chi phí khấu hao và hao mòn	70.393.714.795	74.544.465.222
Chi phí khác	16.482.755.201	11.579.376.771
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.074.127.550.367</u></b>	<b><u>1.233.243.872.127</u></b>

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**29.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.427.013.527	27.101.513.370
Thuế TNDN trích thừa các năm trước	-	(33.644.951)
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	2.065.291.967	(834.870.611)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.492.305.494</u></b>	<b><u>26.232.997.808</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**29.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)**

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>29.892.588.116</b>	<b>122.849.395.632</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	5.978.517.623	24.569.879.126
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	30.715.652	1.127.349.273
Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị không trực tiếp điều hành	116.160.000	368.784.600
Lỗ thuế chưa ghi nhận thuế hoãn lại	1.531.923.104	2.806.082.417
Lỗ năm trước chuyển sang	(129.684.877)	-
Cổ tức nhận được	(35.326.008)	(34.474.260)
Điều chỉnh thuế suất thấp hơn áp dụng cho Bibica Miền Đông	-	(1.400.289.084)
Chi phí chuyển nhượng đất được trừ	-	(1.170.689.313)
Thuế TNDN trích thừa các năm trước	-	(33.644.951)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>7.492.305.494</b>	<b>26.232.997.808</b>

**29.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**29.3 Thuế thu nhập hoãn lại**

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại, và các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Trợ cấp thôi việc	2.405.145.580	2.537.965.774	(132.820.194)	(327.400.543)
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	264.525.319	264.525.319	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	288.010.846	(36.442.623)	324.453.469	(44.867.274)
Lợi nhuận chưa thực hiện	(357.553.903)	1.899.371.339	(2.256.925.242)	1.207.138.428
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>2.600.127.842</b>	<b>4.665.419.809</b>		
<b>(Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại</b>			<b>(2.065.291.967)</b>	<b>834.870.611</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**29.4 Lỗi chuyển sang từ năm trước**

Các công ty con của Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang các năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Nhóm Công ty có khoản lỗ thuế lũy kế với tổng giá trị là 64.790.039.236 VND (31 tháng 12 năm 2020: 22.475.420.911 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ thuế	VND		
			Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2021	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2021
<i>Bibica Miền Tây</i>					
2019	2024	7.743.332.218	-	-	7.743.332.218
2020	2025	9.923.757.598	-	-	9.923.757.598
2021	2026	6.421.552.417	-	-	6.421.552.417
<i>Bibica Miền Đông</i>					
2020	2025	4.103.634.888	-	-	4.103.634.888
2021	2026	1.234.591.890	-	-	1.234.591.890
<i>Bibica Miền Bắc</i>					
2018	2023	290.455.274	-	-	290.455.274
2019	2024	414.240.933	-	-	414.240.933
2021	2026	210.679	-	-	210.679
<i>Bibica Biên Hòa</i>					
2021	2026	3.260.529	-	-	3.260.529
<i>Pan FM</i>					
2016	2021	76.780.725	76.780.725	-	-
2017	2022	11.554.171.265	571.643.662	-	10.982.527.603
2018	2023	7.105.631.296	-	-	7.105.631.296
2019	2024	6.901.592.257	-	-	6.901.592.257
2020	2025	9.665.251.654	-	-	9.665.251.654
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>65.438.463.623</b>	<b>648.424.387</b>	<b>-</b>	<b>64.790.039.236</b>

Lỗ thuế ước tính theo tờ khai thuế của các công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế nêu trên do tại thời điểm này, Nhóm Công ty không thể dự tính được thu nhập chịu thuế của các công ty con trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN ("PAN Food")	Công ty mẹ	Mua cổ phần của PAN FM	299.900.000.000	-
		Mua hàng hóa	988.000.000	-
		Cung cấp dịch vụ	59.826.365	-
		Bán hàng hóa	7.411.118	218.278.864
		Nhận hỗ trợ bán hàng	-	30.036.030
Công ty Phân phối Hàng tiêu Dùng PAN ("PAN CG")	Công ty trong cùng tập đoàn	Bán hàng hóa	1.044.374.306.306	885.590.395.805
		Mua hàng hóa và dịch vụ	206.793.764.395	131.739.633.732
		Chi hộ	474.085.029	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("PAN Group")	Công ty mẹ cao nhất	Mua hàng hóa	106.450.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất khẩu Long An ("LAF")	Công ty trong cùng tập đoàn	Mua hàng hóa	1.071.122.500	2.217.932.980

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i></b>				
PAN CG	Công ty trong cùng tập đoàn	Bán hàng hóa	147.063.958.114	139.779.004.114
PAN Food	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	227.702	3.102.000
PAN FM	Công ty trong cùng tập đoàn trước đây	Bán hàng hóa	-	17.439.289.463
			<b>147.064.185.816</b>	<b>157.221.395.577</b>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn</i></b>				
PAN CG	Công ty trong cùng tập đoàn	Mua hàng hóa	13.452.927.701	16.427.750.863
PAN Food	Công ty mẹ	Mua hàng hóa	114.400.000	-
LAF	Công ty trong cùng tập đoàn	Mua hàng hóa	64.500.000	49.000.000
PAN Group	Công ty mẹ cao nhất	Mua hàng hóa	11.340.000	-
PAN FM	Công ty trong cùng tập đoàn trước đây	Mua hàng hóa	-	15.496.073.614
			<b>13.643.167.701</b>	<b>31.972.824.477</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>				
PAN FM	Công ty trong cùng tập đoàn trước đây	Bán hàng hóa	-	13.608.554.933
PAN Food	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	-	1.100.000
			<u>-</u>	<u>13.609.654.933</u>
<b>Phải trả khác</b>				
PAN Food	Công ty mẹ	Mua cổ phần Pan FM	159.900.000.000	-
		Chi hộ	3.051.675	-
			<u>159.903.051.675</u>	<u>-</u>
<b>Vay ngắn hạn</b>				
PAN CG	Công ty trong cùng tập đoàn	Vay	<u>15.900.000.000</u>	<u>-</u>

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm toán nội bộ ("BKT") và Ban Tổng Giám đốc:

VND			
<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Ông Trương Phú Chiến	Chủ tịch	1.581.794.230	1.008.917.546
Ông Võ Ngọc Thành	Thành viên HĐQT	90.000.000	315.000.000
Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên HĐQT	90.000.000	315.000.000
Ông Jung Woo Le	Thành viên HĐQT	45.000.000	315.000.000
Ông Kim Jun Yeon	Thành viên HĐQT	45.000.000	315.000.000
Ông Nguyễn Quốc Hoàng	Tổng Giám đốc	979.048.153	424.315.503
Ông Nguyễn Trọng Kha	Phó Tổng Giám đốc	562.460.083	512.665.589
Ông Vũ Cường	Trưởng ban BKT	90.000.000	176.400.000
Bà Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên BKT	90.000.000	-
Ông Hur Jin Kook	Thành viên BKT	12.600.000	88.200.000
Ông Nguyễn Văn Giang	Thành viên BKT	25.200.000	381.476.500
<b>TỔNG CỘNG</b>		<u>3.611.102.466</u>	<u>3.851.975.138</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Nhóm Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	1.358.459.588	1.384.915.226
Từ 1 năm đến 5 năm	4.960.016.117	5.539.660.904
Trên 5 năm	37.211.425.271	43.766.092.832
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>43.529.900.976</u></b>	<b><u>50.690.668.962</u></b>

**32. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM**

***Đại dịch Covid-19***

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Nhóm Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này.

**33. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Vào ngày 20 tháng 1 năm 2022, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 8, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ để hoán đổi cổ phần của Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng Pan theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 ngày 30 tháng 6 năm 2021. Theo đó, vốn điều lệ mới của Công ty là 187.526.870.000 VND.

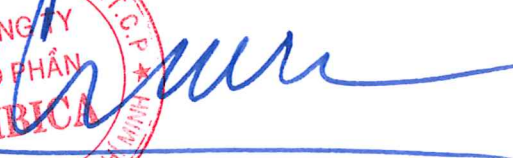
Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Đinh Thị Thu Vân  
Người lập



Đinh Thị Thu Vân  
Quyền Kế toán trưởng

Trương Phú Chiến  
Chủ tịch

Ngày 31 tháng 3 năm 2022